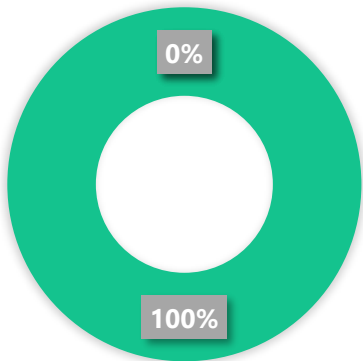


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		600
SL cổ phiếu LH		69,329,928
KLGD BQ 20 phiên (CP)		61,770
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		49
P/E		-0.6
EPS		-1,142

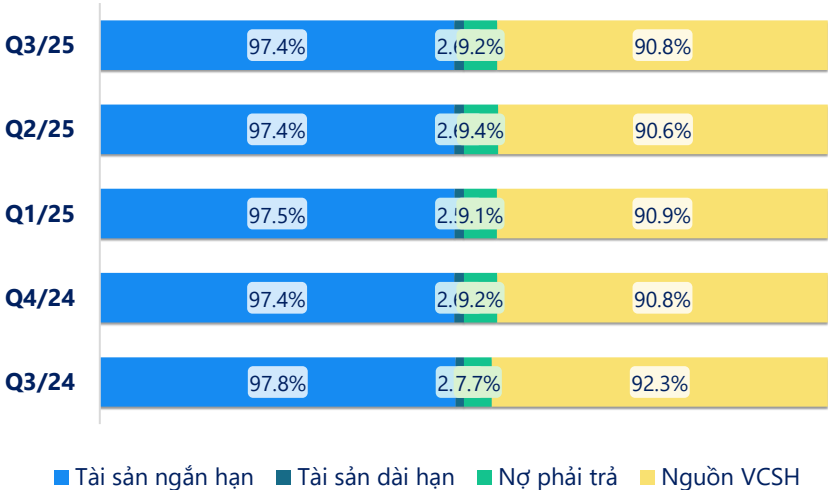
	YTD	1T	3T	6T
QBS	0.0%	0.0%	16.7%	0.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



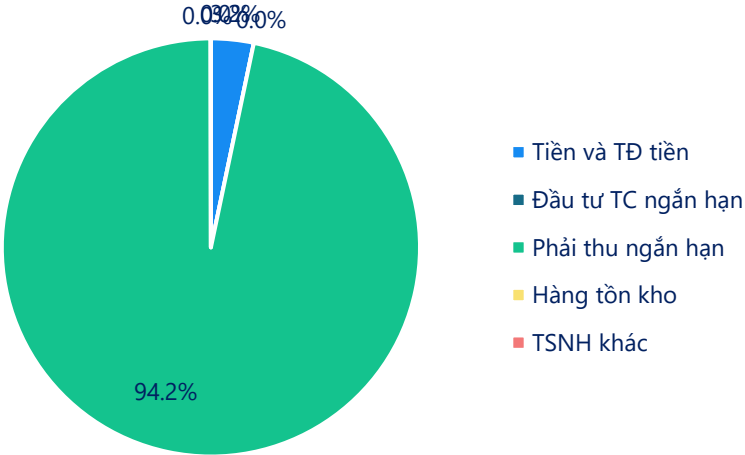
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

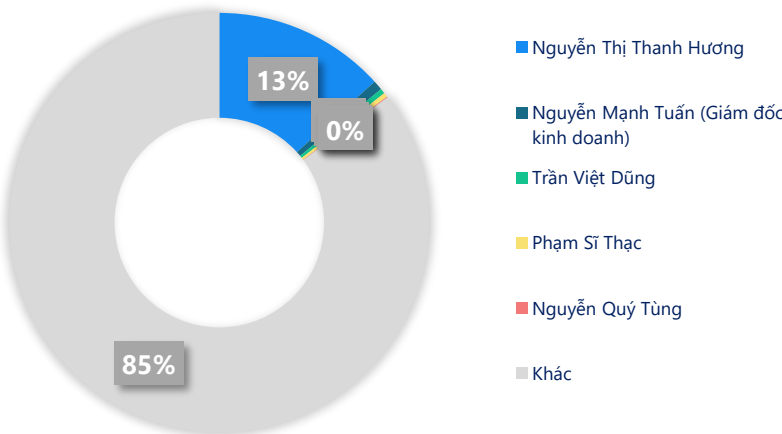
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/25

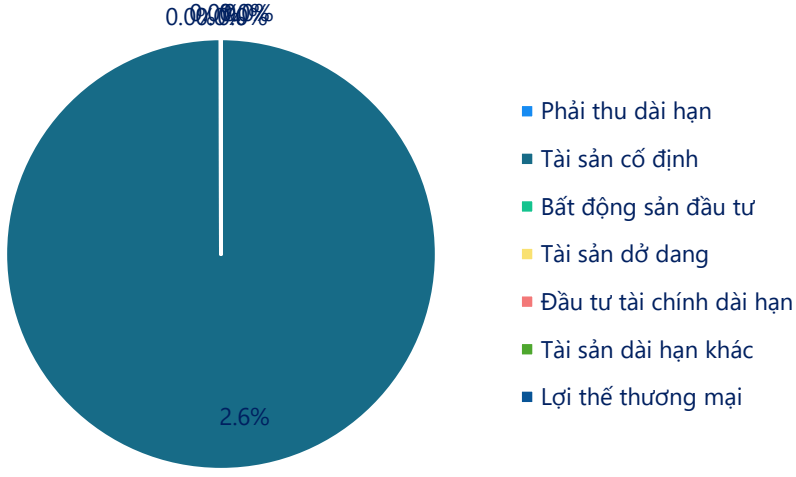
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



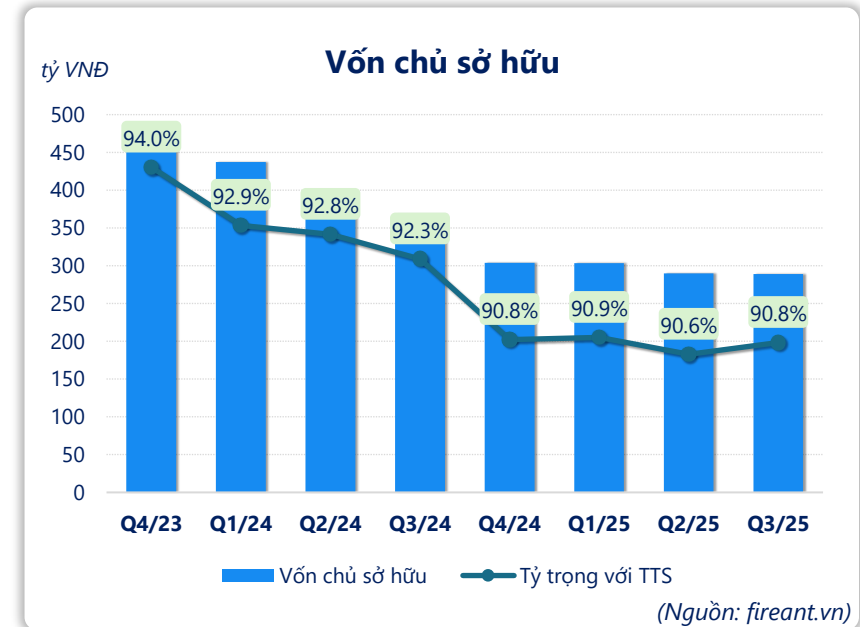
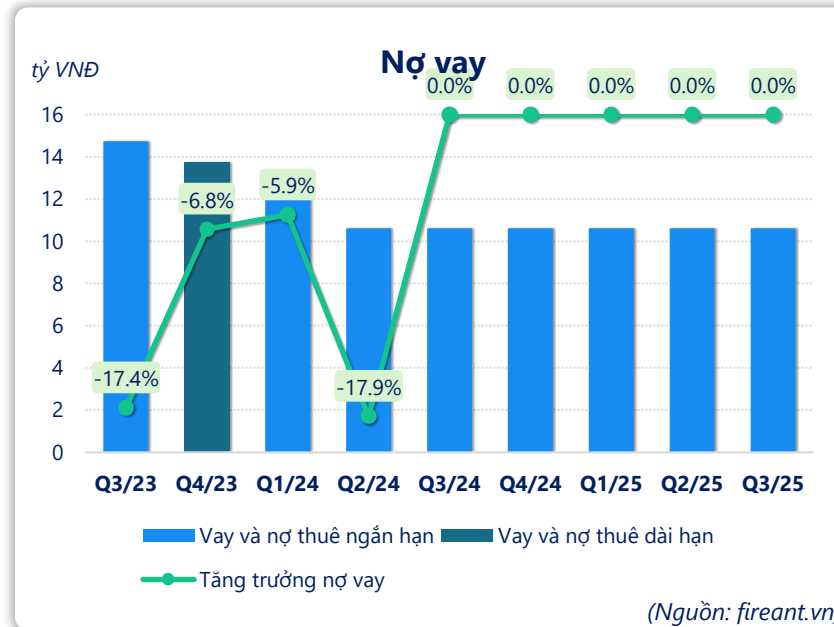
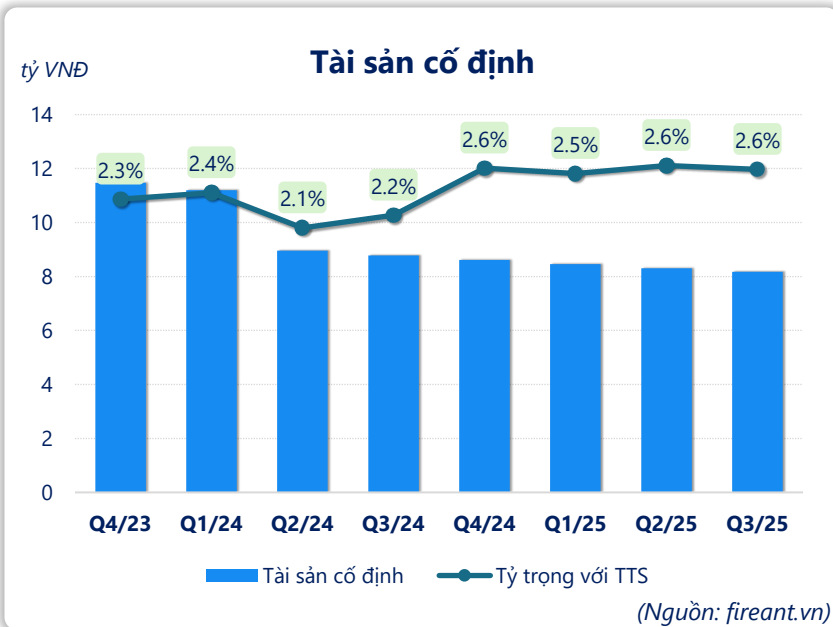
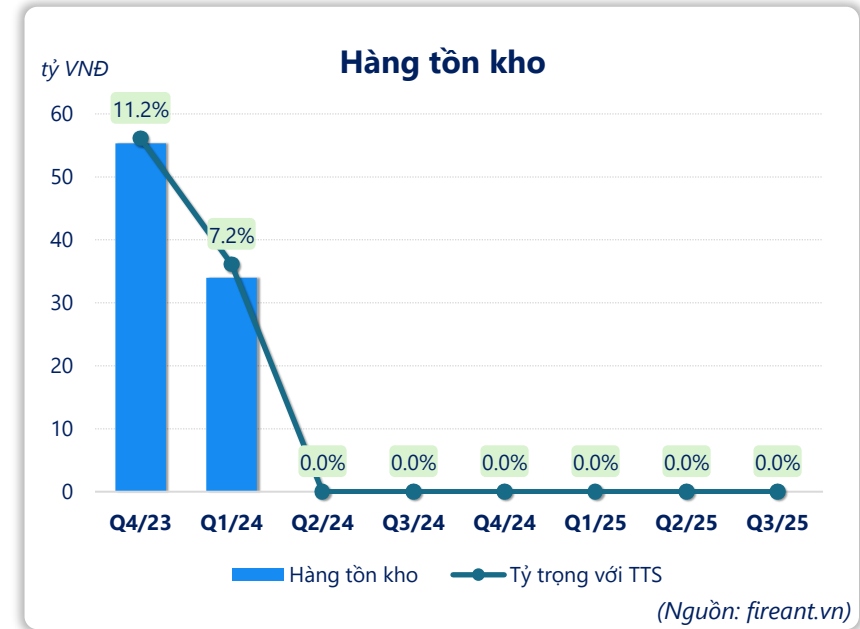
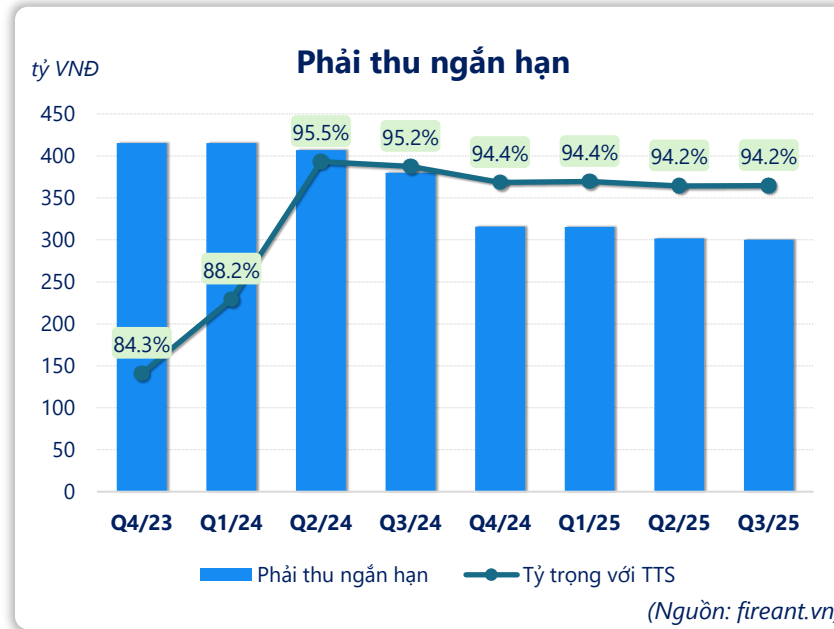
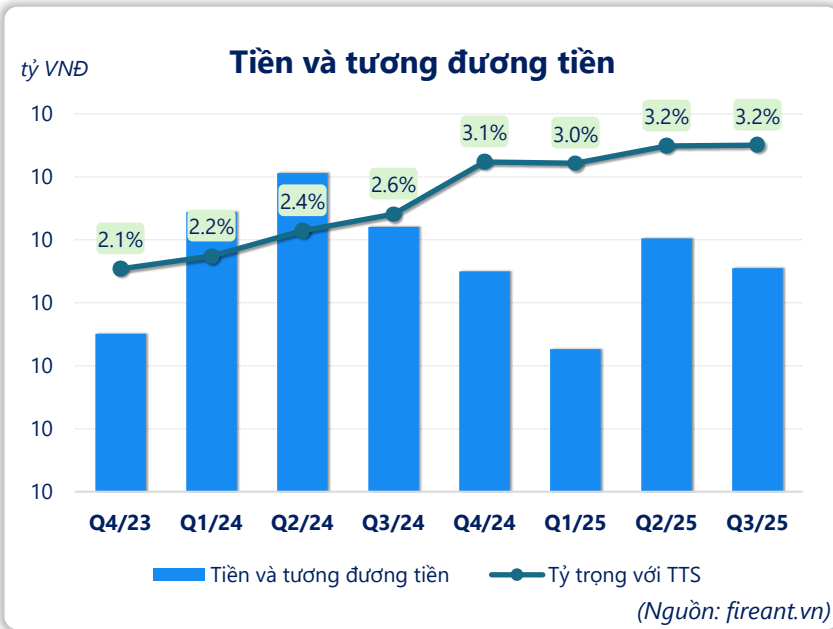
(Nguồn: fireant.vn)

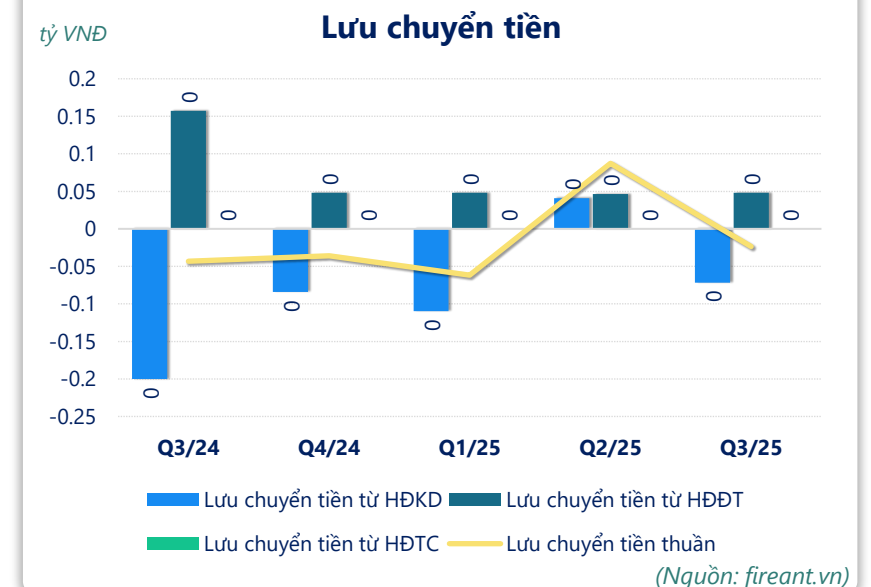
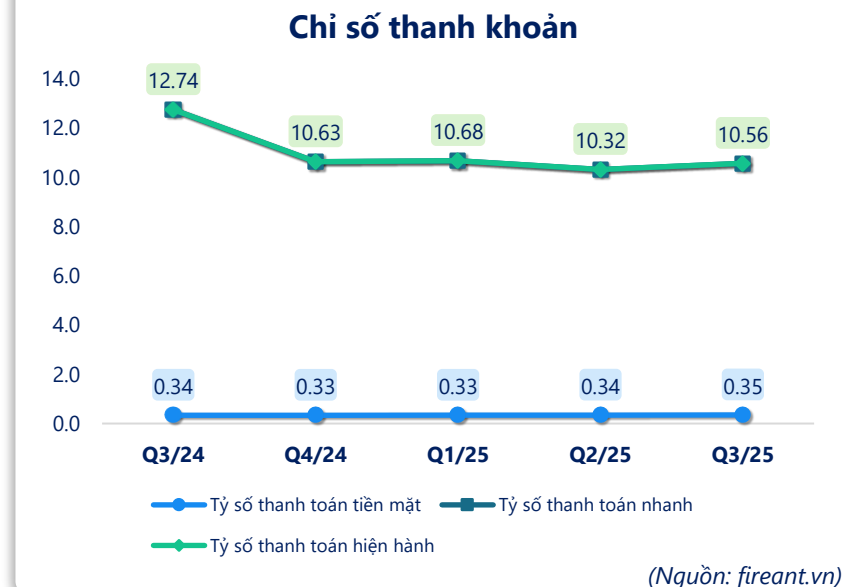
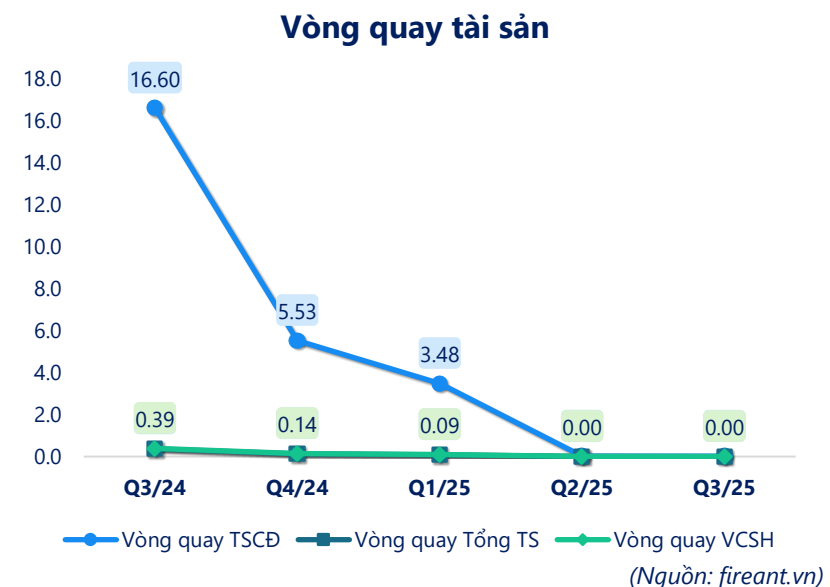
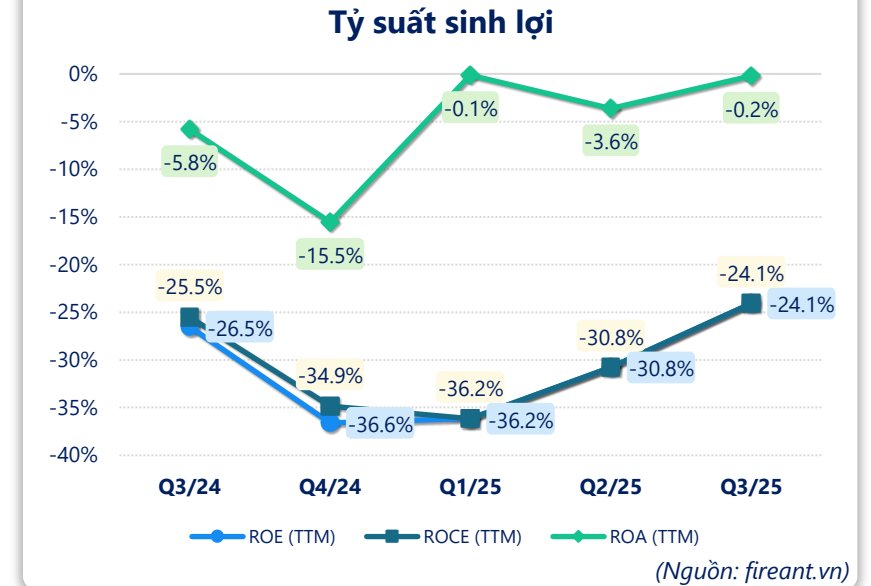
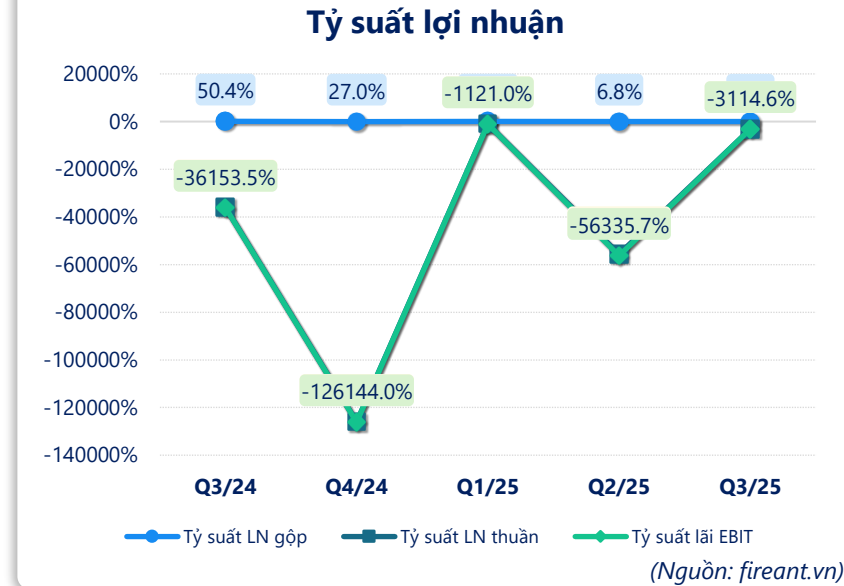
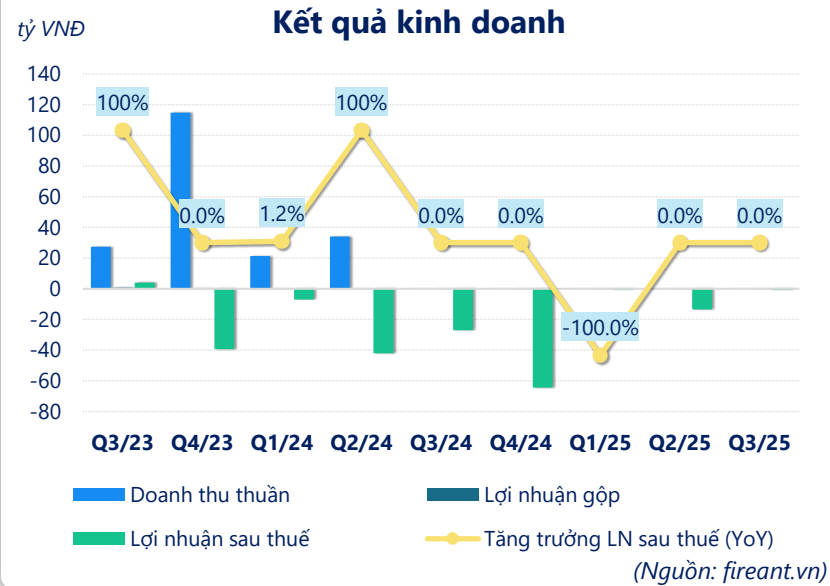
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	319	335	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	310	326	-4.8%
Tiền và tương đương tiền	10.2	10.2	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	300	316	-5.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.02	196%
Tài sản dài hạn	8.17	8.62	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.17	8.62	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-73.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.4	30.7	-4.3%
Nợ ngắn hạn	29.4	30.7	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	10.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.33	7.21	1.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	289	304	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	289	304	-4.9%
Vốn điều lệ	693	693	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.08	0.05	0.05	0.02	0.02
Giá vốn hàng bán	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02
Lợi nhuận gộp	0.04	0.01	0.03	0.00	0.00
Doanh thu HĐTC	0.14	0.05	0.05	0.05	0.05
Chi phí TC	0	0.10	0.02	0.06	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.01	0.01	0.00	0
Chi phí QLDN	27.1	64.2	0.57	13.3	0.80
LN thuần từ HĐKD	-27.0	-64.2	-0.53	-13.3	-0.75
Lợi nhuận khác	-0.14	-0.09	-0.04	-0.18	0.00
LN trước thuế	-27.1	-64.3	-0.57	-13.5	-0.75
Lợi nhuận sau thuế	-27.1	-64.3	-0.57	-13.5	-0.75
LNST của CĐ cty mẹ	-27.1	-64.3	-0.57	-13.5	-0.75

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.20	-0.08	-0.11	0.04	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.16	0.05	0.05	0.05	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	10.3	10.3	10.2	10.2	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	-0.04	-0.04	-0.06	0.09	-0.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	10.3	10.2	10.2	10.3	10.2

(Nguồn: fireant.vn)